

Name 1

Name 2

Basiskarakters

yī	yī	yī								
一	一	一								

èr	èr	èr								
二	二	二								

sān	sān	sān								
三	三	三								

sì	sì	sì								
四	四	四								

wǔ	wǔ	wǔ								
五	五	五								

liù	liù	liù								
六	六	六								

qī	qī	qī								
七	七	七								

bā	bā	bā								
八	八	八								

jiǔ	jiǔ	jiǔ								
九	九	九								

Name 1

Name 2

Basiskarakters

shí	shí	shí																	
十	十	十																	

nǚ	nǚ	nǚ																	
女	女	女																	

zǐ	zǐ	zǐ																	
子	子	子																	

mǎ	mǎ	mǎ																	
马	马	马																	

kǒu	kǒu	kǒu																	
口	口	口																	

lì	lì	lì																	
力	力	力																	

shēng	shēng	shēng																	
生	生	生																	

yán	yán	yán																	
言	言	言																	

rén	rén	rén																	
人	人	人																	

Name 1

Name 2

Basiskarakters

mù	mù	mù								
木	木	木								

yáng	yáng	yáng								
羊	羊	羊								

jǐng	jǐng	jǐng								
井	井	井								

tǔ	tǔ	tǔ								
土	土	土								

bǐ	bǐ	bǐ								
匕	匕	匕								

yòu	yòu	yòu								
又	又	又								

bèi	bèi	bèi								
贝	贝	贝								

yù	yù	yù								
玉	玉	玉								

jiàn	jiàn	jiàn								
见	见	见								

Name 1

Name 2

Basiskarakters

mǐ	mǐ	mǐ								
米	米	米								

mù	mù	mù								
目	目	目								

xīn	xīn	xīn								
心	心	心								

shàng	shàng	shàng								
上	上	上								

yún	yún	yún								
云	云	云								

wáng	wáng	wáng								
王	王	王								

gōng	gōng	gōng								
工	工	工								

gōng	gōng	gōng								
弓	弓	弓								

shān	shān	shān								
山	山	山								

Name 1

Name 2

Basiskarakters

ér	ér	ér									
儿	儿	儿									

tiān	tiān	tiān									
天	天	天									

zhōng	zhōng	zhōng									
中	中	中									

rì	rì	rì									
日	日	日									

yuè	yuè	yuè									
月	月	月									

niú	niú	niú									
牛	牛	牛									

bàn	bàn	bàn									
半	半	半									

xià	xià	xià									
下	下	下									

cùn	cùn	cùn									
寸	寸	寸									

Name 1

Name 2

Basiskarakters

diàn	diàn	diàn									
电	电	电									

dāo	dāo	dāo									
刀	刀	刀									

tián	tián	tián									
田	田	田									

lì	lì	lì									
立	立	立									

qí	qí	qí									
其	其	其									

ěr	ěr	ěr									
耳	耳	耳									

chóng	chóng	chóng									
虫	虫	虫									

mǐn	mǐn	mǐn									
皿	皿	皿									

chū	chū	chū									
出	出	出									

Name 1

Name 2

Basiskarakters

zǒu	zǒu	zǒu									
走	走	走									

shǐ	shǐ	shǐ									
矢	矢	矢									

zhú	zhú	zhú									
竹	竹	竹									

guǒ	guǒ	guǒ									
果	果	果									

cǎo	cǎo	cǎo									
草	草	草									

qiě	qiě	qiě									
且	且	且									

yī	yī	yī									
衣	衣	衣									

shǒu	shǒu	shǒu									
手	手	手									

tóu	tóu	tóu									
头	头	头									

Name 1

Name 2

Basiskarakters

kāi	kāi	kāi									
开	开	开									

chē	chē	chē									
车	车	车									

jīn	jīn	jīn									
巾	巾	巾									

kě	kě	kě									
可	可	可									

gē	gē	gē									
戈	戈	戈									

gǔ	gǔ	gǔ									
古	古	古									

